

2. Mẫu Bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất

Đơn vị.....

Mẫu số BTH02 - HN

Địa chỉ.....

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU HỢP NHẤT

Kỳ

Đơn vị tính:

CHỈ TIÊU	Mã số	Công ty mẹ	Công ty con			Tổng cộng	Điều chỉnh		Hợp nhất
			A	B	...		Nợ	Có	
A	B	1	2	3	6	7	8	9	10
Các chỉ tiêu thuộc Báo cáo tình hình tài chính									
Tiền	111								
Các khoản tương đương tiền	112								
Chứng khoán kinh doanh	121								
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122							(...)	(...)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123								
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124							(...)	(...)
Đầu tư ngắn hạn khác	125								
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126							(...)	(...)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131								
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132								
Phải thu theo tiến độ hợp đồng	134								

xây dựng									
Phải thu ngắn hạn khác	135								
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136							(...)	(...)
Tài sản thiếu chờ xử lý	137								
Hàng tồn kho	141								
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142							(...)	(...)
Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151								
Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152								
Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153								
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161								
Thuế GTGT được khấu trừ	162								
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163								
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164								
Tài sản ngắn hạn khác	165								
Phải thu dài hạn của khách hàng	211								
Trả trước cho người bán dài hạn	212								
Phải thu dài hạn khác	215								
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216							(...)	(...)
Tài sản cố định hữu hình	221								
Nguyên giá	222								

Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223							(...)	(...)
Tài sản cố định thuê tài chính	224								
Nguyên giá	225								
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226							(...)	(...)
Tài sản cố định vô hình	227								
Nguyên giá	228								
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229							(...)	(...)
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231								
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232								
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233								
- Nguyên giá	234								
- Giá trị khấu hao lũy kế (*)	235								
Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236								
Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237								
Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn (*)	238							(...)	(...)
Bất động sản đầu tư	240								
Nguyên giá	241								
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242								
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251								
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252								

Đầu tư vào công ty con	261								
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262								
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263								
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264							(...)	(...)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265								
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266							(...)	(...)
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271								
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272								
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273								
Tài sản dài hạn khác	274								
Lợi thế thương mại	279								
Phải trả người bán ngắn hạn	311								
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312								
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313								
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314								
Phải trả người lao động	315								
Chi phí phải trả ngắn hạn	316								
Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318								
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319								
Phải trả ngắn hạn khác	320								

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321								
Dự phòng phải trả ngắn hạn	322								
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323								
Quỹ bình ổn giá	324								
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325								
Phải trả người bán dài hạn	331								
Người mua trả tiền trước dài hạn	332								
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333								
Chi phí phải trả dài hạn	334								
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	337								
Phải trả dài hạn khác	338								
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339								
Trái phiếu chuyển đổi	340								
Cổ phiếu ưu đãi	341								
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342								
Dự phòng phải trả dài hạn	343								
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344								
Vốn góp của chủ sở hữu	411								
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a								
Cổ phiếu ưu đãi	411b								

Thặng dư vốn	412								
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413								
Vốn khác của chủ sở hữu	414								
Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415						(...)	(...)	
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416								
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417								
Quỹ đầu tư phát triển	418								
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419								
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420								
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a								
LNST chưa phân phối kỳ này	420b								
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429								
Các chỉ tiêu thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh									
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01								
Các khoản giảm trừ doanh thu	02								
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10								
Giá vốn hàng bán	11								
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20								
Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21								

Doanh thu hoạt động tài chính	22								
Chi phí tài chính	23								
<i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>	24								
Chi phí bán hàng	25								
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26								
<i>Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết</i>	27								
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { $30 = 20 + 21 + (22 - 23) - (25 + 26) + 27$ }	30								
Thu nhập khác	31								
Chi phí khác	32								
Lợi nhuận khác ($40 = 31 - 32$)	40								
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ($50 = 30 + 40$)	50								
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51								
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52								
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ($60 = 50 - 51 - 52$)	60								
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61								
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62								
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70								
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71								

Cơ sở và phương pháp lập Bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất

Cột A: Ghi tên các chỉ tiêu trong Báo cáo tình hình tài chính và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Cột B: Ghi mã số của chỉ tiêu trong Báo cáo tình hình tài chính và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Cột 1: Ghi giá trị các chỉ tiêu trong Báo cáo tình hình tài chính và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ. Số liệu đưa vào cột này là số liệu trong Báo cáo tài chính của Công ty mẹ.

Các cột 2, 3: Ghi giá trị các chỉ tiêu trong Báo cáo tình hình tài chính và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con trong Tập đoàn. Số liệu đưa vào cột này là số liệu trong Báo cáo tài chính của các Công ty con trong Tập đoàn.

Cột 7: Ghi số tổng cộng các chỉ tiêu của công ty mẹ và các công ty con.

Cột 8: Ghi tổng hợp số điều chỉnh Nợ của các chỉ tiêu. Số liệu ghi vào cột 8 được lấy từ Bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh (Mẫu số BTH01-HN).

Cột 9: Ghi tổng hợp số điều chỉnh Có của các chỉ tiêu. Số liệu ghi vào cột 9 được lấy từ Bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh (Mẫu số BTH01-HN).

Cột 10: Ghi giá trị các chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính hợp nhất.